

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DMD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DMD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DMD VIETNAM CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DMD CONSTRUCTION AND TRADING JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110740342

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

405A đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá); - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá).	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ bán buôn hóa chất và các loại Nhà nước cấm)	4669
5.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các hàng hóa nhà nước cấm)	4690
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
7.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	4723
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn, tem, tiền kim khí, kinh doanh vàng)	4773
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799

13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
15.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
16.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630(Chính)
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Xây dựng công trình điện	4221
22.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Xây dựng công trình thủy	4291
26.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
29.	Phá dỡ (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4312
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
36.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ các loại hóa chất nhà nước cấm kinh doanh)	4649
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Chỉ kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
47.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
48.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
49.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
50.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện	8230
51.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO QUÝ DƯƠNG	SN 905, CT4B, khu đô thị mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0360970110 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
2	TRẦN THỊ TRÀ MY	10G2, CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0011880007 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

3	NGHIÊM XUÂN ĐẠT	405A đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0010830048 96
			Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	70,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	70.000	700.000.000	70,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ TRÀ MY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001188000717

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 434 Bạch Đằng, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 10G2, CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội